

## THÔNG BÁO

### Về việc xét nâng bậc lương thường xuyên tháng 7 năm 2026

Căn cứ Thông tư 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; Thông tư 03/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021 của Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động,

Căn cứ Quyết định số 1673/QĐ-ĐHTN, ngày 17/9/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên về việc ban hành Quy chế nâng bậc lương thường xuyên, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung và nâng lương trước thời hạn của Trường Đại học Tây Nguyên;

Nhà trường thông báo việc xét nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung tháng 7 năm 2026 như sau:

#### **1. Nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung**

##### ***1.1. Điều kiện để nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung***

- Thời gian:

+ Đủ 24 tháng đối với viên chức và người lao động (VC, NLĐ) loại B, C, hạng IV;

+ Đủ 36 tháng đối với VC loại A, hạng I, II, III;

+ Đủ 12 tháng đối với VC, NLĐ đã hưởng phụ cấp vượt khung từ 5% trở lên.

- Điều kiện: Xếp loại VC, NLĐ: Hoàn thành nhiệm vụ trở lên (trong thời gian xét nâng bậc lương theo từng VC, NLĐ).

##### ***1.2. Thời gian không được tính để xét nâng bậc lương thường xuyên***

Thực hiện theo điểm c khoản 1 Điều 2 Thông tư 08/2013/TT-BNV và khoản 3 Điều 1 Thông tư 03/2021/TT-BNV của Bộ Nội vụ, gồm:

- Thời gian tập sự;

- Thời gian nghỉ việc riêng không hưởng lương;

- Thời gian đi làm chuyên gia, đi học, thực tập, công tác, khảo sát ở trong nước và ở nước ngoài vượt quá thời hạn do cơ quan có thẩm quyền quyết định;

- Thời gian VC, NLĐ đào ngũ trong quá trình thực hiện nghĩa vụ quân sự tại ngũ;

- Thời gian bị đình chỉ công tác, bị tạm giữ, tạm giam;

- Thời gian thử thách đối với VC, NLĐ bị phạt tù nhưng cho hưởng án treo; trường hợp thời gian thử thách ít hơn thời gian bị kéo dài nâng bậc lương thường xuyên tính theo thời gian bị kéo dài nâng bậc lương thường xuyên.

Tổng các loại thời gian không được tính để xét nâng bậc lương thường xuyên (nếu có) được tính tròn tháng, nếu có thời gian lẻ không tròn tháng thì được tính như sau: Dưới 11 ngày làm việc (không bao gồm các ngày nghỉ hằng tuần và ngày nghỉ làm việc được hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật về lao động) thì không tính; từ 11 ngày làm việc trở lên tính bằng 01 tháng (Trừ thời gian tập sự).

### ***1.3. Trường hợp bị kéo dài thời gian nâng bậc lương***

Thực hiện theo khoản 5 Điều 1 Thông tư 03/2021/TT-BNV của Bộ Nội vụ, gồm:

- Kéo dài 12 tháng đối với các trường hợp viên chức bị kỷ luật cách chức quản lý;
- Kéo dài 06 tháng đối với các trường hợp: VC bị kỷ luật cảnh cáo; NLĐ bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo; VC, NLĐ xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ được giao hàng năm;
- Kéo dài 03 tháng đối với VC bị kỷ luật khiển trách;

Trường hợp vừa không hoàn thành nhiệm vụ được giao vừa bị kỷ luật thì thời gian kéo dài nâng bậc lương thường xuyên là tổng các thời gian bị kéo dài theo quy định.

Trường hợp bị đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ do bị kỷ luật (cùng một hành vi vi phạm) thì thời gian kéo dài nâng bậc lương thường xuyên tính theo hình thức kỷ luật tương ứng.

### **2. Chế độ nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức, người lao động đã có thông báo nghỉ hưu**

VC, NLĐ đã có thông báo nghỉ hưu, nếu trong thời gian giữ bậc đạt đủ 02 tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư 08/2013/TT-BNV; khoản 4 Điều 1 Thông tư 03/2021/TT-BNV, chưa xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch hoặc trong chức danh và kể từ ngày có thông báo nghỉ hưu đến trước ngày nghỉ hưu còn thiếu từ 12 tháng trở xuống để được nâng bậc lương thường xuyên theo quy định thì được xét nâng một bậc lương trước thời hạn bằng số tháng còn thiếu này.

Căn cứ hồ sơ quá trình công tác của VC, NLĐ, Hiệu trưởng thông báo đến toàn thể VC, NLĐ danh sách dự kiến nâng bậc lương thường xuyên và phụ cấp thâm niên vượt khung tháng 7 năm 2026.

Nhận được Thông báo này, yêu cầu Lãnh đạo, Công đoàn các đơn vị thông báo đến toàn thể VC, NLĐ được biết. Ý kiến phản hồi gửi về phòng Tổ chức Cán bộ **trước ngày 03 tháng 8 năm 2026** (gặp đ/c Nguyễn Thanh Tùng)/.

#### **Nơi nhận:**

- Các đơn vị;
- TT.CNTT&TV (đăng website Trường)
- Lưu: VT, TCCB (T02b).

**HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Nguyễn Thanh Trúc**

Phụ lục

| TT                                            | Họ và tên                | Ngày, tháng, năm sinh |            | Đơn vị         | Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc lương |                              |                 |                            |                                                              |                           | Kết quả nâng bậc lương tính đến 31/7/2026 |                          |                               |                                                              |                                         |                                                                                    | Ghi chú |
|-----------------------------------------------|--------------------------|-----------------------|------------|----------------|-------------------------------------------------------|------------------------------|-----------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------------------|--------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|                                               |                          | Nam                   | Nữ         |                | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo            | Chức danh hoặc ngạch (mã số) | Bậc trong ngạch | Hệ số lương ở bậc hiện giữ | Hệ số chênh lệch bảo lưu hoặc % phụ cấp thâm niên vượt khung | Thời gian được tính hưởng | Chức danh hoặc ngạch (Mã số)              | Bậc lương g sau nâng bậc | Hệ số lương mới được nâng bậc | Hệ số chênh lệch bảo lưu hoặc % phụ cấp thâm niên vượt khung | Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau | Hệ số lương tăng thêm do nâng bậc/ phụ cấp thâm niên vượt khung (hệ số chênh lệch) |         |
| 1                                             | 2                        | 3                     | 4          | 5              | 6                                                     | 7                            | 8               | 9                          | 10                                                           | 11                        | 12                                        | 13                       | 14                            | 15                                                           | 16                                      | 17                                                                                 | 18      |
| I. VIÊN CHỨC ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG THƯỜNG XUYỀN |                          |                       |            |                |                                                       |                              |                 |                            |                                                              |                           |                                           |                          |                               |                                                              |                                         |                                                                                    |         |
| 1                                             | Vũ Thị Thu Hường         |                       | 25/07/1987 | K. Y Dược      | ThS                                                   | V.07.01.02                   | 1               | 4,40                       | 0                                                            | 01/07/2023                | V.07.01.02                                | 2                        | 4,74                          | 0                                                            | 01/07/2026                              | 0,34                                                                               |         |
| 2                                             | Văn Hữu Tài              | 11/01/1972            |            | K. Y Dược      | ThS                                                   | V.07.01.02                   | 4               | 5,42                       | 0                                                            | 01/07/2023                | V.07.01.02                                | 5                        | 5,76                          | 0                                                            | 01/07/2026                              | 0,34                                                                               |         |
| 3                                             | Ngô Thị Ngọc Yến         |                       | 22/11/1984 | K. Y Dược      | ThS                                                   | V.07.01.02                   | 1               | 4,40                       | 0                                                            | 01/07/2023                | V.07.01.02                                | 2                        | 4,74                          | 0                                                            | 01/07/2026                              | 0,34                                                                               |         |
| 4                                             | Vũ Thị Thuỳ Linh         |                       | 07/04/1995 | K. Y Dược      | ThS                                                   | V.07.01.03                   | 1               | 2,34                       | 0                                                            | 07/02/2023                | V.07.01.03                                | 2                        | 2,67                          | 0                                                            | 07/02/2026                              | 0,33                                                                               |         |
| 5                                             | Lê Thanh Lý              |                       | 09/01/1997 | K. Y Dược      | ThS                                                   | V.07.01.03                   | 1               | 2,34                       | 0                                                            | 01/06/2023                | V.07.01.03                                | 2                        | 2,67                          | 0                                                            | 08/06/2026                              | 0,33                                                                               |         |
| 6                                             | Đỗ Chí Hoàng             | 20/7/1994             |            | K. Y Dược      | ThS                                                   | V.07.01.03                   | 1               | 2,34                       | 0                                                            | 01/06/2023                | V.07.01.03                                | 2                        | 2,67                          | 0                                                            | 08/06/2026                              | 0,33                                                                               |         |
| 7                                             | Lăng Thị Thu Xuân        |                       | 26/5/1996  | K. Y Dược      | ĐH                                                    | V.07.01.03                   | 1               | 2,34                       | 0                                                            | 01/06/2023                | V.07.01.03                                | 2                        | 2,67                          | 0                                                            | 08/06/2026                              | 0,33                                                                               |         |
| 8                                             | Ngô Xuân Tháo            | 13/12/1973            |            | K. Nông nghiệp | ĐH                                                    | V.07.01.03                   | 3               | 3,00                       | 0                                                            | 01/06/2023                | V.07.01.03                                | 4                        | 3,33                          | 0                                                            | 01/06/2026                              | 0,33                                                                               |         |
| 9                                             | Hồ Nguyễn Thị Huyền Trân |                       | 12/11/1988 | K. Nông nghiệp | ĐH                                                    | V.07.01.03                   | 2               | 2,67                       | 0                                                            | 01/06/2023                | V.07.01.03                                | 3                        | 3,00                          | 0                                                            | 01/06/2026                              | 0,33                                                                               |         |
| 10                                            | Trang Thị Nguyệt Quế     |                       | 27/06/1985 | K. Nông nghiệp | ThS                                                   | V.07.01.02                   | 1               | 4,40                       | 0                                                            | 01/07/2023                | V.07.01.02                                | 2                        | 4,74                          | 0                                                            | 01/07/2026                              | 0,34                                                                               |         |
| 11                                            | Phạm Đoàn Phú Quốc       | 20/06/1984            |            | K. Nông nghiệp | ThS                                                   | V.07.01.02                   | 1               | 4,40                       | 0                                                            | 01/07/2023                | V.07.01.02                                | 2                        | 4,74                          | 0                                                            | 01/07/2026                              | 0,34                                                                               |         |
| 12                                            | Nguyễn Thị Vân Anh       |                       | 01/06/1982 | K. Nông nghiệp | ThS                                                   | V.07.01.02                   | 1               | 4,40                       | 0                                                            | 01/07/2023                | V.07.01.02                                | 2                        | 4,74                          | 0                                                            | 01/07/2026                              | 0,34                                                                               |         |
| 13                                            | Nguyễn Văn Trọng         | 01/01/1985            |            | K. Nông nghiệp | ThS                                                   | V.07.01.02                   | 1               | 4,40                       | 0                                                            | 01/07/2023                | V.07.01.02                                | 2                        | 4,74                          | 0                                                            | 01/07/2026                              | 0,34                                                                               |         |
| 14                                            | Mai Thị Xoan             |                       | 01/01/1985 | K. Nông nghiệp | ThS                                                   | V.07.01.02                   | 1               | 4,40                       | 0                                                            | 01/07/2023                | V.07.01.02                                | 2                        | 4,74                          | 0                                                            | 01/07/2026                              | 0,34                                                                               |         |
| 15                                            | Bùi Thị Như Linh         |                       | 20/10/1982 | K. Nông nghiệp | ThS                                                   | V.07.01.02                   | 1               | 4,40                       | 0                                                            | 01/07/2023                | V.07.01.02                                | 2                        | 4,74                          | 0                                                            | 01/07/2026                              | 0,34                                                                               |         |
| 16                                            | Nguyễn Ngọc Hữu          | 26/08/1982            |            | K. Nông nghiệp | TS                                                    | V.07.01.02                   | 1               | 4,40                       | 0                                                            | 01/07/2023                | V.07.01.02                                | 2                        | 4,74                          | 0                                                            | 01/07/2026                              | 0,34                                                                               |         |

|    |                      |            |            |                |     |            |   |      |   |            |            |   |      |   |            |      |  |
|----|----------------------|------------|------------|----------------|-----|------------|---|------|---|------------|------------|---|------|---|------------|------|--|
| 17 | Chung Như Anh        |            | 14/08/1985 | K. Nông nghiệp | TS  | V.07.01.02 | 1 | 4,40 | 0 | 01/07/2023 | V.07.01.02 | 2 | 4,74 | 0 | 01/07/2026 | 0,34 |  |
| 18 | Hồ Đình Bảo          | 16/09/1983 |            | K. Nông nghiệp | TS  | V.07.01.02 | 1 | 4,40 | 0 | 01/07/2023 | V.07.01.02 | 2 | 4,74 | 0 | 01/07/2026 | 0,34 |  |
| 19 | Trần Thị Xuân Phần   |            | 16/01/1988 | K. Nông nghiệp | ThS | V.07.01.02 | 1 | 4,40 | 0 | 01/07/2023 | V.07.01.02 | 2 | 4,74 | 0 | 01/07/2026 | 0,34 |  |
| 20 | Nguyễn Thị Tinh      |            | 11/04/1987 | K. Nông nghiệp | TS  | V.07.01.02 | 1 | 4,40 | 0 | 01/07/2023 | V.07.01.02 | 2 | 4,74 | 0 | 01/07/2026 | 0,34 |  |
| 21 | Nguyễn Thị Thảo      |            | 26/05/1988 | K. Nông nghiệp | ThS | V.07.01.02 | 1 | 4,40 | 0 | 01/07/2023 | V.07.01.02 | 2 | 4,74 | 0 | 01/07/2026 | 0,34 |  |
| 22 | Nguyễn Thị Hương Cẩm |            | 28/10/1987 | K. Nông nghiệp | TS  | V.07.01.02 | 1 | 4,40 | 0 | 01/07/2023 | V.07.01.02 | 2 | 4,74 | 0 | 01/07/2026 | 0,34 |  |
| 23 | Phạm Thanh Hùng      | 24/08/1986 |            | K. Kinh tế     | ThS | V.07.01.02 | 1 | 4,40 | 0 | 01/07/2023 | V.07.01.02 | 2 | 4,74 | 0 | 01/07/2026 | 0,34 |  |
| 24 | Nguyễn Thị Đức Hiếu  |            | 30/05/1988 | K. Kinh tế     | ThS | V.07.01.02 | 1 | 4,40 | 0 | 01/07/2023 | V.07.01.02 | 2 | 4,74 | 0 | 01/07/2026 | 0,34 |  |
| 25 | Phan Thị Thuý        |            | 22/04/1988 | K. Kinh tế     | TS  | V.07.01.02 | 1 | 4,40 | 0 | 01/07/2023 | V.07.01.02 | 2 | 4,74 | 0 | 01/07/2026 | 0,34 |  |
| 26 | Phan Thúy An         |            | 24/05/1986 | K. Kinh tế     | ThS | V.07.01.02 | 1 | 4,40 | 0 | 01/07/2023 | V.07.01.02 | 2 | 4,74 | 0 | 01/07/2026 | 0,34 |  |
| 27 | Trần Thị Thu         |            | 04/01/1980 | K. Sư phạm     | ThS | V.07.01.03 | 7 | 4,32 | 0 | 01/07/2023 | V.07.01.03 | 8 | 4,65 | 0 | 01/07/2026 | 0,33 |  |
| 28 | Bùi Thị Thủy         |            | 24/02/1985 | K. Sư phạm     | ThS | V.07.01.02 | 1 | 4,40 | 0 | 01/07/2023 | V.07.01.02 | 2 | 4,74 | 0 | 01/07/2026 | 0,34 |  |
| 29 | Trần Thị Lệ          |            | 22/10/1982 | K. Sư phạm     | ThS | V.07.01.02 | 1 | 4,40 | 0 | 01/07/2023 | V.07.01.02 | 2 | 4,74 | 0 | 01/07/2026 | 0,34 |  |
| 30 | Hoàng Lê Anh Ly      |            | 23/08/1985 | K. Sư phạm     | TS  | V.07.01.02 | 1 | 4,40 | 0 | 01/07/2023 | V.07.01.02 | 2 | 4,74 | 0 | 01/07/2026 | 0,34 |  |
| 31 | Nguyễn Thị Kim Hồng  |            | 04/06/1989 | K. Sư phạm     | TS  | V.07.01.02 | 1 | 4,40 | 0 | 01/07/2023 | V.07.01.02 | 2 | 4,74 | 0 | 01/07/2026 | 0,34 |  |
| 32 | Nguyễn Đình Huân     | 27/07/1982 |            | K. LLCT        | TS  | V.07.01.02 | 1 | 4,40 | 0 | 01/07/2023 | V.07.01.02 | 2 | 4,74 | 0 | 01/07/2026 | 0,34 |  |
| 33 | Đàm Thị Bích Hạnh    |            | 21/12/1988 | K. KHTN&CN     | ThS | V.07.01.02 | 1 | 4,40 | 0 | 01/07/2023 | V.07.01.02 | 2 | 4,74 | 0 | 01/07/2026 | 0,34 |  |
| 34 | Trương Bá Phong      | 02/09/1983 |            | K. KHTN&CN     | TS  | V.07.01.02 | 1 | 4,40 | 0 | 01/07/2023 | V.07.01.02 | 2 | 4,74 | 0 | 01/07/2026 | 0,34 |  |
| 35 | Phạm Thị Phương      |            | 02/06/1987 | K. KHTN&CN     | ThS | V.07.01.02 | 1 | 4,40 | 0 | 01/07/2023 | V.07.01.02 | 2 | 4,74 | 0 | 01/07/2026 | 0,34 |  |
| 36 | Trần Thị Thanh Thảo  |            | 01/04/1988 | K. KHTN&CN     | ThS | V.07.01.02 | 1 | 4,40 | 0 | 01/07/2023 | V.07.01.02 | 2 | 4,74 | 0 | 01/07/2026 | 0,34 |  |
| 37 | Ngô Thị Hiếu         |            | 12/03/1979 | P. TCCB        | TS  | V.07.01.02 | 3 | 5,08 | 0 | 01/07/2023 | V.07.01.02 | 4 | 5,42 | 0 | 01/07/2026 | 0,34 |  |
| 38 | Nguyễn Anh Tuấn      | 25/01/1974 |            | P. Kế hoạch TC | ThS | 06031      | 8 | 4,65 | 0 | 01/07/2023 | 06031      | 9 | 4,98 | 0 | 01/07/2026 | 0,33 |  |
| 39 | Trần Quỳnh Mai       |            | 16/08/1989 | P. Đào tạo     | ThS | V.07.01.02 | 1 | 4,40 | 0 | 01/07/2023 | V.07.01.02 | 2 | 4,74 | 0 | 01/07/2026 | 0,34 |  |
| 40 | Nguyễn Thị Thủy      |            | 12/10/1984 | P. KH,HT&ĐMST  | ThS | V.07.01.02 | 1 | 4,40 | 0 | 01/07/2023 | V.07.01.02 | 2 | 4,74 | 0 | 01/07/2026 | 0,34 |  |
| 41 | Trần Thị Minh Hà     |            | 20/11/1988 | P. KH,HT&ĐMST  | ThS | V.07.01.02 | 1 | 4,40 | 0 | 01/07/2023 | V.07.01.02 | 2 | 4,74 | 0 | 01/07/2026 | 0,34 |  |
| 42 | Nguyễn Đình Sỹ       | 05/11/1980 |            | P. KH,HT&ĐMST  | TS  | V.07.01.02 | 1 | 4,40 | 0 | 01/07/2023 | V.07.01.02 | 2 | 4,74 | 0 | 01/07/2026 | 0,34 |  |
| 43 | Phạm Thị Trang       |            | 09/01/1988 | TT. NN-TH      | ThS | V.07.01.02 | 1 | 4,40 | 0 | 01/07/2023 | V.07.01.02 | 2 | 4,74 | 0 | 01/07/2026 | 0,34 |  |

|                                                    |                   |            |            |                |     |            |   |      |   |            |            |   |      |   |            |      |  |
|----------------------------------------------------|-------------------|------------|------------|----------------|-----|------------|---|------|---|------------|------------|---|------|---|------------|------|--|
| 44                                                 | Nguyễn Thị Lành   |            | 01/08/1977 | TT.CNTT&TV     | ThS | V.10.02.06 | 8 | 4,65 | 0 | 01/07/2023 | V.10.02.06 | 9 | 4,98 | 0 | 01/07/2026 | 0,33 |  |
| II. VIÊN CHỨC ĐƯỢC TÍNH HƯỞNG THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG |                   |            |            |                |     |            |   |      |   |            |            |   |      |   |            |      |  |
| 1                                                  | Mai Thị Kim Tuyền |            | 02/12/1969 | K. Nông nghiệp | ĐH  | V.05.02.07 | 9 | 4,98 | 8 | 01/07/2025 | V.05.02.07 | 9 | 4,98 | 9 | 01/07/2026 | 1%   |  |
| 2                                                  | Hồ Ngọc Đoàn Thư  |            | 17/11/1976 | K. Ngoại ngữ   | ThS | V.07.01.03 | 9 | 4,98 | 5 | 01/07/2025 | V.07.01.03 | 9 | 4,98 | 6 | 01/07/2026 | 1%   |  |
| 3                                                  | Lê Từ Trường      | 16/09/1967 |            | K. Sư phạm     | TS  | V.07.01.03 | 9 | 4,98 | 0 | 01/07/2023 | V.07.01.03 | 9 | 4,98 | 5 | 01/07/2026 | 5%   |  |
| 4                                                  | Bùi Thị Sáu       |            | 24/12/1972 | P. Kế hoạch TC | ThS | 06.031     | 9 | 4,98 | 6 | 01/07/2025 | 06.031     | 9 | 4,98 | 7 | 01/07/2026 | 1%   |  |
| 5                                                  | Đinh Ta Ri Na     |            | 24/08/1971 | P. CTSV        | ĐH  | 01.003     | 9 | 4,98 | 8 | 01/07/2025 | 01.003     | 9 | 4,98 | 9 | 01/07/2026 | 1%   |  |

Danh sách gồm có 49 người (Trong đó: 44 người nâng bậc lương thường xuyên; 05 người được hưởng thâm niên vượt khung).